

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **149/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 28-8-2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị L - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T. tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 593/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc L. sinh năm 1987.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã Tr. huyện S. tỉnh Hòa Bình.

Nơi cư trú: phường N. thành phố B. tỉnh B.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy D. sinh năm 1983.

Nơi đăng ký thường trú: Xã Đ. huyện H. tỉnh Thanh Hóa.

Nơi tạm trú: ấp X, xã P. huyện T. tỉnh Đồng Nai.

(Chị L và anh D có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huy D chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 04/12/2006. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 03/2018 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ nên chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/9/2007 và Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 23/4/2012, ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu L và Đ, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng đối với 02 con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Theo nội dung bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Huy D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc L chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 04/12/2006. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/9/2007 và Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 23/4/2012, ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu L và Đ, yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng đối với 02 con chung thì anh đồng ý.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng Đ văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/9/2007 và Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 23/4/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng đối với 02 con chung.

Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận, về nợ chung đương sự trình bày không có nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L và bị đơn anh Nguyễn Huy D đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 04/12/2006, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị L thì sau khi chị và anh D kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 03/2018 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ nên chị xin được ly hôn với anh D. Anh D trình bày về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng thống nhất với lời khai của chị L như trên đồng thời xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị L. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã thực sự trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, anh D và chị L đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mục đích hôn nhân không Đ được, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/9/2007 và Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 23/4/2012, ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu L và Đ, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung. Anh D cũng thống nhất với ý kiến của chị L về con chung như trên, đồng thời theo nguyện vọng của cháu L và cháu Đ cũng muốn được ở với mẹ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự, giao 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Huy Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung (mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng).

[4] Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Huy D phải chịu 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Huy D.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/9/2007 và Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 23/4/2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Nguyễn Huy D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung (mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 28/8/2020 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Huy D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị L đã nộp tại biên lai số 0004529 ngày 30/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị L đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Huy D phải chịu 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L, anh D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Ngọc**